

Số: *MHA* /KH-UBND

Quảng Bình, ngày *28* tháng *6* năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế số

1.1. Kinh tế số là hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính, sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông để tăng năng suất lao động, đổi mới mô hình kinh doanh và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế.

1.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

2. Phát triển xã hội số

2.1. Xã hội số là xã hội tích hợp công nghệ số một cách tự nhiên và mặc định vào mọi mặt đời sống, người dân được kết nối, có khả năng tương tác và thành thạo kỹ năng số để sử dụng các dịch vụ số, từ đó, hình thành các mối quan hệ mới trong môi trường số, hình thành thói quen số và văn hóa số.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%;



- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 75%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 50%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

1.1. Cơ chế, chính sách

Nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác chuyển đổi số, đề nghị cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi các văn bản, tạo hành lang pháp lý đồng bộ thống nhất về chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực.

1.2. Hạ tầng

a) Tổ chức triển khai đồng bộ Chiến lược, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: Hạ tầng bưu chính, viễn thông; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch.

b) Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân: Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, bản, khu vực dân sinh trên địa bàn tỉnh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

1.3. Nền tảng số

a) Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động cụ thể để phát triển nền tảng số quốc gia, bao gồm các kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng ban hành tiêu chí nền tảng số của tỉnh gắn với nền tảng số quốc gia tổ chức đánh giá công nhận các nền tảng số đáp ứng yêu cầu. Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu và xây dựng, vận hành Cổng thông tin nền tảng số của tỉnh để cung cấp thông tin, thúc đẩy phát triển, hỗ trợ sử dụng các nền tảng số; tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số của tỉnh, của quốc gia; tuyên truyền phổ biến rộng rãi các nền tảng số của tỉnh, của quốc gia để các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp, người dân biết và sử dụng.

c) Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nền tảng số của tỉnh phù hợp với nền tảng số của quốc gia, xác định các nền tảng số dùng chung trong từng ngành, lĩnh vực.

1.4. Dữ liệu số

a) Tổ chức triển khai, phát triển dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: Nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

b) Tổ chức triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh, kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

1.5. Nhân lực số

a) Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng quản lý nội dung học tập dùng chung cho các cơ sở đào tạo tại các cấp phổ thông; xây dựng và chuẩn hóa học liệu số, giúp giáo viên giành nhiều thời gian tương tác với học sinh, cải thiện chất lượng tiết học.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng lưu trữ hồ sơ trong suốt quá trình học tập, đào tạo và phục vụ học tập suốt đời của một công dân.

c) Tăng mạnh chỉ tiêu đào tạo các ngành công nghệ thông tin, công nghệ số, công nghệ 4.0 như: Trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, điện toán đám mây, Internet vạn vật, thực tế ảo/ thực tế tăng cường, chuỗi khối...; mở rộng thêm chuyên ngành đào tạo về chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực, ngành, nghề của mình.

1.6. Kỹ năng số, công dân số và văn hóa số

a) Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao

động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông trên địa bàn.

b) Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số, và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

c) Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số. Phát triển nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội.

1.7. Doanh nghiệp số

a) Đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; xây dựng các tài liệu đào tạo, hướng dẫn chuyển đổi số; triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp.

b) Phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp đầu ngành trong chuyển đổi số, phát triển và nhân rộng nền tảng số ngành, tạo hệ sinh thái số trong các ngành, lĩnh vực.

c) Triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nền tảng quản trị tổng thể, nền tảng kế toán dịch vụ, nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nền tảng thương mại số nông nghiệp.

1.8. Thanh toán số

a) Tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch số 892/KH-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

b) Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile-Money, tập trung ưu tiên ở các vùng, miền có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp.

1.9. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

a) Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số; cung cấp dịch vụ số được bảo đảm sẵn về an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

b) Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

c) Tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.

d) Triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn và có giá sử dụng chữ ký phù hợp thu nhập của người dân.

đ) Bảo đảm, xác thực thông tin trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, kết nối để phục vụ việc xác nhận mức độ bảo đảm, xác thực của danh tính số của người dân.

e) Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

2.1. Nông nghiệp và nông thôn

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng nông nghiệp số gắn liền với nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông thôn hiện đại, nông dân chuyên nghiệp, văn minh. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp; phát động và thu hút doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; triển khai các nền tảng số phục vụ nhu cầu của người nông dân.

b) Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho nông dân.

c) Tổ chức triển khai nền tảng số, ứng dụng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp để trao đổi, thu thập thông tin, mã hóa dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi để có phương án xử lý kịp thời.

d) Tổ chức triển khai nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cho phép kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

đ) Tổ chức triển khai mô hình thôn, bản chuyển đổi số, xã chuyển đổi số, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

e) Tổ chức triển khai phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; qua hệ thống hội nông dân các cấp; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số, xã hội số; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số, đào tạo trực tuyến, liên tục phát triển kỹ năng và tri thức số cho người nông dân, ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sản phẩm dịch vụ điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng.

2.2. Y tế

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực y tế, thúc đẩy, khuyến khích bệnh viện đồng thời cũng là doanh nghiệp công nghệ số về y tế; phát động và thu hút doanh nghiệp công nghệ đầu tư vào y tế số; phổ cập dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

b) Tổ chức triển khai ứng dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa kết nối bệnh viện với bệnh viện, bệnh viện tuyến trên với bệnh viện tuyến dưới, từ cơ sở tới trung ương, giúp giảm tải các cơ sở y tế, khám, chữa bệnh kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

c) Tổ chức triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng hồ sơ bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; triển khai nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân trên địa bàn tỉnh.

d) Tổ chức triển khai nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất trên địa bàn tỉnh. Các kết quả xét nghiệm trong hồ sơ bệnh án điện tử được công nhận lẫn nhau giữa các cơ sở khám, chữa bệnh.

đ) Tổ chức triển khai nền tảng quản lý tiêm chủng, nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở, nền tảng quản lý trạm y tế xã thống nhất trên địa bàn tỉnh.

e) Tổ chức triển khai nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân, mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân để hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị. Hồ sơ sức khỏe điện tử được cập nhật thường xuyên, lưu lại thông tin về tình trạng sức khỏe người dân trong suốt cuộc đời.

2.3. Giáo dục và Đào tạo

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; triển khai nền tảng dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình trong công tác giảng dạy - học tập; công tác thi, kiểm tra, đánh giá cho học sinh, sinh viên, giáo viên, từ đó, hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số, bảo đảm chất lượng cho việc thi, kiểm tra, đánh giá trực tuyến.

b) Tìm kiếm và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục (Edtech) vào giảng dạy. Tạo cơ chế thí điểm các sản phẩm, dịch vụ mới đột phá, hỗ trợ đào tạo nhanh, hiệu quả.

c) Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về giáo dục và đào tạo số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành giáo dục và đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.4. Lao động, việc làm và an sinh xã hội

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội; thúc đẩy, khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, chứng chỉ chứng nhận điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến hoặc trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng, loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết.

b) Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức sử dụng lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

2.5. Công thương

a) Quản lý, giám sát hoạt động của các nền tảng thương mại điện tử; chống hàng gian lận, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững.

b) Tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển: Hạ tầng logistics thuận lợi, có nhiều nông sản, sản phẩm thủ công, mỹ nghệ độc đáo; tăng cường liên kết thương mại điện tử giữa các vùng miền.

c) Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để góp phần đưa mỗi một người dân thành một doanh nhân. Đào tạo kỹ năng số cho đông bào dân tộc thiểu số, trao cơ hội tiếp cận với thương mại điện tử nhằm xóa đói giảm nghèo, thu hẹp chênh lệch về thu nhập.

2.6. Du lịch

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực du lịch, mỗi doanh nghiệp du lịch là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số; phát động và thu hút doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ du lịch; phát triển các nền tảng số kết nối cung và cầu về du lịch.

b) Tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch.

c) Tổ chức triển khai nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch, phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến lớn, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch. Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ kết hợp giữa kênh thực và kênh số; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch.

d) Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về du lịch thông minh, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch tại các cơ sở đào tạo đại học trong ngành du lịch.

2.7. Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng năng lượng tái tạo và carbon thấp, thân thiện với môi trường.

b) Tổ chức triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên phát triển nền tảng dữ liệu đất đai quốc gia, bản đồ số quốc gia, sử dụng phương thức, công nghệ số nâng cao chất lượng dịch vụ, khả năng tương tác, phục vụ minh bạch hóa, đảm bảo cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin về tài nguyên môi trường cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng góp phần phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức triển khai Chiến lược tổng thể tài nguyên số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035 khi được cấp có thẩm quyền ban hành.

2.8. Các ngành, lĩnh vực khác

Đối với các ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính, giao thông vận tải, logistics, xây dựng và bất động sản, các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và các lĩnh vực khác: Tập trung phát triển kinh tế số và xã hội số trong từng ngành, lĩnh vực theo hướng thiết lập môi trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo, tăng cường sự chỉ đạo chiến lược và khai thác linh hoạt nguồn lực tài chính cho hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số, hình thành hệ sinh thái kinh tế số, xã hội số ngành, lĩnh vực. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, chuyển dịch từ sản xuất truyền thống sang kinh tế số ngành, chuyển đổi số mạnh mẽ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; phát động và thu hút doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ ngành, lĩnh vực; triển khai các nền tảng số ngành phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và người dân.

b) Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt và người dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa,

mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất, kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho doanh nghiệp và người dân.

c) Tổ chức triển khai nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành; kết nối, liên kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và chính quyền, giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước; tạo môi trường hình thành các dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, tạo điều kiện khai thác hiệu quả hệ sinh thái kinh doanh trên không gian mạng.

III. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy

a) Tổ chức hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp tỉnh, cấp huyện; Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực thống nhất đầu mối triển khai một cách đồng bộ về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức và triển khai hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khối phố, thôn, bản với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên địa bàn tỉnh.

2. Hợp tác trong nước và ngoài nước

a) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số; trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

b) Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh Quảng Bình phù hợp với nội dung Kế hoạch.

3. Nghiên cứu, phát triển

a) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ bản sao số, chuỗi khối, thực tế ảo/ thực tế tăng cường, dữ liệu lớn, kết hợp với các công nghệ mở, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ số, tạo lợi thế cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

c) Hỗ trợ thử nghiệm các mô hình kinh doanh mới, ươm tạo, khởi nghiệp về kinh tế số; hình thành các trung tâm xúc tiến chuyển đổi số; đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số; thí điểm áp dụng các mô hình doanh nghiệp công nghệ chuyên ngành tham gia cung cấp các dịch vụ trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội có liên quan.

d) Xây dựng các doanh nghiệp chuyển đổi số điển hình, các mô hình mẫu, ứng dụng mẫu chuyển đổi số phù hợp đặc trưng của từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

4. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, các sự kiện, triển lãm trong nước và quốc tế về phát triển kinh tế số, xã hội số tỉnh Quảng Bình và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội, giới thiệu về đất nước, con người, văn hóa, du lịch Quảng Bình ở trong nước và nước ngoài.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông cơ sở. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

5. Đo lường, giám sát triển khai

Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương.

6. Bảo đảm kinh phí

a) Ưu tiên kinh phí từ ngân sách (kinh phí chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp, dự án thuộc Kế hoạch này. Trong đó:

- Nguồn kinh phí đầu tư chi để thực hiện các nhiệm vụ, dự án: Đầu tư xây dựng các hệ thống thông tin, nền tảng số, mua sắm phần cứng, phần mềm, công nghệ, trang thiết bị và xây dựng các cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Nguồn kinh phí thường xuyên chi để thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; điều tra, khảo sát, thống kê, đo lường, đánh giá chỉ số phát triển, ảnh hưởng tác động; thuê, mua sử dụng, thúc đẩy phát triển các nền tảng số; tạo lập, cập nhật, lưu trữ và chia sẻ, sử dụng dữ liệu số; đảm bảo an toàn thông tin mạng; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực số, kỹ năng số, công dân số, văn hóa số; hỗ trợ, tư vấn chuyển đổi số doanh nghiệp; thông tin, tuyên truyền; duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số; các nhiệm vụ khác thuộc Kế hoạch có tính chất chi thường xuyên. Khuyến khích, ưu tiên sử dụng nguồn chi thường xuyên thuê, mua sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số, hệ thống thông tin thay vì đầu tư xây dựng.

b) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao thuộc Kế hoạch. Các đơn vị có nguồn kinh phí được để lại theo quy định ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện Kế hoạch phù hợp quy định của pháp luật.

7. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế số, xã hội số

a) Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; phát triển các Trung tâm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo phát triển trợ lý ảo để hỗ trợ người dân 24/7 mọi lúc, mọi nơi.

b) Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch; định kỳ hàng năm, trước ngày 15/12 tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 1.2; nội dung 1.3; điểm b nội dung 1.4, điểm b nội dung 1.9 khoản 1 Mục II và các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Hướng dẫn các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh, các đơn vị có Trang/cổng thông tin điện tử... đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh về nguồn ngân sách chi đầu tư phát triển hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a nội dung 1.7 khoản 1 Mục II và các giải pháp tại điểm c, d khoản 3 Mục III theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 6 Mục III theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài chính

a) Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh về nguồn ngân sách chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan để triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại khoản 6 Mục III theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.4 khoản 2 Mục II theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 19 Mục V.

b) Chủ trì thực hiện các mục tiêu, giải pháp tại điểm a khoản 7 Mục III và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a nội dung 1.8, khoản 1, nội dung 2.3 khoản 2 Mục II; đôn đốc, hướng dẫn các trường đại học, cao đẳng thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 19 Mục V; hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng đại học số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.1 khoản 2 Mục II; thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản.

b) Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Sở Y tế

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a nội dung 1.8, khoản 1, nội dung 2.2 khoản 2 Mục II; thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa, nền tảng quản lý tiêm chủng, nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử, nền tảng trạm y tế xã.

b) Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.




8. Sở Công Thương

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.5 khoản 2 Mục II; thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền tảng số đối với nền tảng sàn thương mại điện tử.

b) Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công và các nội dung khác thuộc kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Sở Du lịch

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.6 khoản 2 Mục II; thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng bảo tàng số, nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch.

b) Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

Thực hiện các giải pháp tại các điểm a, b khoản 3 Mục III; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện giải pháp tại điểm c khoản 3 Mục III; thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

11. Công an tỉnh

a) Chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại điểm đ, điểm e, nội dung 1.9 khoản 1 Mục II và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh, bảo đảm quyền và lợi ích của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động kinh tế số, xã hội số.

12. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.7 khoản 2 Mục II; tại điểm b khoản 7 Mục III; thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng bản đồ số.

b) Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

13. Ngân hàng Nhà nước Việt nam chi nhánh Quảng Bình

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 1.8 khoản 1 Mục II; chỉ đạo các tổ chức tính dụng trên địa bàn nâng cấp, phát triển hạ tầng thanh toán hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả; tăng cường kết nối liên thông, tích hợp với các hệ thống khác để đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.

14. Cục Thống kê

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 5 Mục III.

b) Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

15. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được phân công và các nhiệm vụ khác trong Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Căn cứ nội dung Kế hoạch này để xây dựng và cụ thể hóa kế hoạch thực hiện giai đoạn 2022 - 2025 và kế hoạch hàng năm phát triển kinh tế số và xã hội số của đơn vị; bổ sung, cập nhật, đồng bộ các nội dung của Kế hoạch này với các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của sở, ban, ngành, địa phương mình.

c) UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại điểm 1.1, 1.2, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8 khoản 1; phối hợp triển khai các nhiệm vụ tại khoản 2 Mục II; ưu tiên và bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

d) Kiểm tra, đánh giá, báo cáo đột xuất và định kỳ theo 6 tháng (trước ngày 15/7), hàng năm (trước 15/12) về tình hình thực hiện Kế hoạch gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh theo quy định.

16. Tỉnh đoàn Quảng Bình

Chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Sở Thông tin và Truyền thông điều phối; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình và các tổ chức chính trị - xã hội

Tham gia phát huy vai trò trong công tác tuyên truyền, vận động, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Phối hợp với các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên, hội, hiệp hội xã hội nghề nghiệp phát động đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng; tăng cường công tác giám sát, phản biện chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế số, xã hội số; phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

18. Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 4 Mục III. Mở chuyên đề, chuyên mục, tăng cường thời lượng, tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và nhân dân về nội dung Kế hoạch một cách thường xuyên, liên tục; thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

19. Các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Căn cứ vào nội dung Kế hoạch để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Nghiên cứu, bổ sung các chuyên ngành đào tạo về Công nghệ thông tin, công nghệ số; rà soát, cập nhật, bổ sung vào các chương trình đào tạo hiện có các môn học chuyên ngành, nội dung kiến thức, kỹ năng mới phù hợp với nhu cầu nhân lực Công nghệ thông tin, công nghệ số trong 05-10 năm tới.

c) Huy động tối đa các nguồn lực hiện có, kết hợp với các chương trình, dự án khác, khai thác hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước để đào tạo kỹ sư, cử nhân, kỹ sư thực hành, cử nhân thực hành về công nghệ số, kinh tế số và xã hội số.

d) Tăng cường hàm lượng thực hành trong đào tạo các chuyên ngành công nghệ số, kinh tế số, xã hội số, đưa các nền tảng số, công nghệ số, đặc biệt là các nền tảng số của Việt Nam, công nghệ mở vào giới thiệu trong các chương trình đào tạo để sinh viên có điều kiện thực hành và tiếp cận thực tế.

đ) Tích cực triển khai chuyển đổi số toàn diện, tham gia xây dựng và triển khai thí điểm đại học số.

e) Thực hiện nhiệm vụ triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng dạy, học trực tuyến; thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công.

20. Các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh

a) Các doanh nghiệp buru chính, viễn thông ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng buru chính rộng khắp đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, cùng với tỉnh tham gia đào tạo, hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số.

b) Các doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm tiên phong chuyển đổi số, phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số chuyên ngành; chuyển đổi thành các doanh nghiệp công nghệ số, hình thành hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ số xung quanh mảng kinh doanh lõi.

c) Các doanh nghiệp công nghệ số chủ động phát triển các nền tảng số, tham gia Chương trình phát triển nền tảng số quốc gia, giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng hệ sinh thái nội dung hấp dẫn, lành mạnh để tạo thói quen trực tuyến cho người dân.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch giai đoạn 2022 - 2025 và chi tiết hàng năm, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh mới hoặc khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- TV BCĐ Chuyển đổi số tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ tỉnh;
- Đảng ủy Khối DN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (để thực hiện);
- UBND huyện, thị xã, thành phố (để th/hiện);
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- VNPT Q.Bình; Viettel Q.Bình;
- Lưu: VT, NC-VX, TTTH-CB, KSTTHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thắng